

Bản án số: 48/2022/HS-ST
Ngày: 17/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly

2. Ông Võ Lâm Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Bành Văn Khánh Đ (Bành Văn K, Năm C), sinh ngày 06/4/2002, tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bành Văn Q, sinh năm 1982 và bà Lê Thị Kiều O, sinh năm 1978; Bị cáo chưa lập gia đình, không vợ, con.

Nhân thân: Ngày 17/01/2020, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 02 năm 03 tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; chấp hành xong hình phạt ngày 05/01/2022, đã nộp xong án phí hình sự và dân sự (lần phạm tội này, bị cáo là người chưa thành niên nên được đương nhiên xóa án tích).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Cà M, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Bà Lê Thị Kiều O, sinh năm 1978; nơi cư trú: khóm T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1992; nơi cư trú: khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Ông Ngô Văn Phụng, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Em Bành Văn Khánh, (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của em Bành Văn Khánh: bà Lê Thị Kiều O, sinh năm 1978, mẹ ruột của em Bành Văn K; là người đại diện theo pháp luật, (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn TR, (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn K, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, khoảng 18 giờ ngày 13/7/2022, Bành Văn Khánh Đ chuẩn bị 02 cây kèm, 01 cây kéo, 02 cây tua vít, 01 đoạn lưới cửa để trong 01 túi vải, rồi điều khiển xe mô tô biển số 67K1-022.64 đến khu vực ấp L, xã B, tìm tài sản lấy trộm. Khi đến trước nhà của Nguyễn Thị Cà M, thấy nhà của M khóa cửa trước, bên trong không có người, nên Đ dựng xe mô tô trước nhà, rồi đi bộ đến bên hông phải nhà, dùng tay mở cửa sổ, bẻ khung cửa bằng kim loại, đột nhập vào bên trong, tìm tài sản lấy trộm. Đ phát hiện cạnh phòng ngủ ở gian nhà sau có 01 ví da màu hồng, bên trong có 13.130.000 đồng của M, nên Đ lấy trộm, rồi đi ra phía trước nhà. Cùng lúc này, M và Nguyễn Thanh T (chồng của M) về đến nhà, phát hiện Đ cầm ví da màu hồng của M, nên tri hô cùng Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn K bắt giữ Đ, giao cho Công an xã B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tang vật.

Quá trình điều tra thu giữ vật chứng: số tiền 13.130.000 đồng đã trao trả cho bị hại Cà M; đang tạm giữ 01 căn cước công dân, 01 xe mô tô biển số 67K1-022.64, 01 túi vải, 02 cây kèm, 01 cây kéo, 02 cây tua vít, 01 đoạn lưới cửa, 01 ví da của Đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG.TTHS ngày 31/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện C xác định: 01 ví da màu hồng, trị giá 5.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 23/KL-KTHS ngày 08/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang: Dấu vân tay in trên bộ Danh, chỉ bản số 91, lập ngày 05/11/2019 tại Công an huyện Chợ Mới, viết tên Bành Văn K, sinh năm 2002, nơi cư trú: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang, ký hiệu TLCGD: A, so với dấu vân tay in trên Căn cước công dân số 089202015085 và dấu vân tay in trên bộ Danh, chỉ bản số 66, lập ngày 20/7/2022 tại Công an huyện Chợ Mới viết tên Bành Văn Khánh Đ, ký hiệu TLMSS: M1, M2 là của cùng một người in ra.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKSCM ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Bành Văn Khánh Đ (Bành Văn K, Năm C) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận do không có tiền tiêu xài, khoảng 18 giờ ngày 13/7/2022, bị cáo chuẩn bị 02 cây kềm, 01 cây kéo, 02 cây tua vít, 01 đoạn lưới cưa để trong 01 túi vải, rồi điều khiển xe mô tô tìm tài sản lấy trộm, đến trước nhà của bị hại Cà M thấy nhà khóa cửa trước, bên trong không có người, nên bị cáo dựng xe mô tô trước nhà, rồi đi bộ đến bên hông phải nhà, dùng tay mở cửa sổ, bẻ khung cửa bằng kim loại, đột nhập vào bên trong, đến cạnh phòng ngủ ở gian nhà sau, lục tìm thấy ví da màu hồng, bên trong có tiền, bị cáo không đếm lấy bỏ vào túi xách rồi đi ra phía trước nhà. Thì bị hại M và Thanh T (chồng của M) về đến nhà, phát hiện, tri hô cùng Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn K bắt giữ bị cáo giao cho Công an xã B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tang vật. Bị cáo xác định ví da, và số tiền trong ví da được thu giữ là tiền bị cáo đã lấy trộm.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Thanh T (chồng của bị hại Nguyễn Thị Cà M) khai, ngày 13/7/2022, vào khoảng 18 giờ, ông và vợ về nhà thấy bị cáo đi từ trong nhà đi ra phía cửa sau trên tay cầm túi xách, kiểm tra tài sản phát hiện mất trộm tài sản là 01 ví da màu hồng, bên trong có tiền của bà M, nên tri hô cùng Tr, K rượt đuổi, bắt giữ bị cáo giao cho Công an xã B, các ông xuống kênh tìm tài sản, tìm được túi xách bên trong có ví da và số tiền 13.130.000 đồng xác định đúng số tiền bị mất trộm, ông xác định tài sản bị mất trộm là của M được Cơ quan điều tra trao trả lại, không yêu cầu bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác. Đối với khung cửa sổ bằng kim loại bị cáo dùng kềm bẻ để đột nhập vào nhà, khung cửa sổ này đã bị rỉ sét, hư hỏng trước đó, không còn giá trị, nên không yêu cầu xử lý về hành vi này. Ông tình bày ý kiến của bà M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Lê Thị Kiều O, Bành Văn K (Mẹ và em ruột của Đ) khai, khi sinh ra, Đ được đặt tên là Bành Văn K. Đến năm 2008, khi đăng ký khai sinh thì ghi tên là Bành Văn Khánh Đ. Không biết Đ trộm cắp tài sản của người khác. Đôi xe mô

tô biển số 67K1-022.64 màu nâu, nhãn hiệu Boss bà O mua của Phạm Xuân H, với giá 6.000.000 đồng, bị cáo lấy xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, bà hoàn toàn không biết nên xin nhận lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ, hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo tác động đến xã hội, phân tích các tình tiết định tội, định khung hình phạt, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu Luận tội giữ nguyên quyết định Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự, áp dụng khoản 1 điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Bành Văn Khánh Đ (Bành Văn K, Năm C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo từ Bành Văn Khánh Đ (Bành Văn K, Năm C) 01 năm đến 01 năm 3 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại Cà M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác, không đề cập.

Về hình phạt bổ sung, hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân, là giấy tờ tùy thân không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Trả lại cho bà Lê Thị Kiều O 01 xe mô tô biển số 67K1-022, màu nâu, nhãn hiệu Boss.

+ Đối với 01 túi vải, 02 cây kèm, 01 cây kéo, 02 cây tua vít, 01 đoạn lưới cưa, 01 ví da là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Sau khi nghe quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo không tranh luận, xác định Cáo trạng truy tố đúng tội, không oan, nói lời sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, không khiếu nại các chứng cứ được thu thập. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Văn P, những người làm chứng Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn K vắng mặt không rõ lý do. Đối với những người này, đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng theo đúng quy định; được cơ quan điều tra thu thập lời khai chi tiết, toàn diện, đánh giá sự vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp lời khai của bị hại Cà M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T, Phạm Xuân H, Ngô Văn P, những người làm chứng Bành Văn K, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn K về toàn bộ diễn biến về thời gian, địa điểm xảy ra hành vi phạm tội, các tình tiết khác của vụ án; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường được lập vào ngày 14/7/2022; phù hợp tang vật thu giữ. Ngoài ra, còn phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ.

Đã đủ căn cứ xác định, do không có nghề nghiệp, cần tiền tiêu xài, bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác, để thực hiện hành vi, bị cáo chuẩn bị 02 cây kèm, 01 cây kéo, 02 cây tua vít, 01 đoạn lưới cửa để trong 01 túi vải, rồi điều khiển xe mô tô biển số 67K1-022.64 đến khu vực ấp L, xã B, tìm tài sản lấy trộm, đến trước nhà của bị hại Cà M, thấy nhà khóa cửa trước, bên trong không có người, bị cáo dựng xe mô tô trước nhà, đi bộ đến bên hông phải nhà, dùng tay mở cửa sổ, dùng kèm bẻ khung cửa bằng kim loại, đột nhập vào bên trong, tìm tài sản lấy trộm, phát hiện cạnh phòng ngủ ở gian nhà sau có 01 ví da màu hồng, bên trong có tiền nên bị cáo lấy bỏ vào túi xách, không đếm cụ thể là bao nhiêu, bị cáo đi ra phía trước nhà đường cửa sau thì lúc này, bị hại M và Nguyễn Thanh T (chồng của M) về đến nhà, phát hiện tri hô cùng Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn K bắt giữ bị cáo giao cho Công an xã B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tang vật. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật; thừa nhận số tiền thu giữ 13.130.000 đồng của M chính là số tiền bị cáo lấy trộm.

Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo Bành Văn Khánh Đ đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố đối với bị cáo Bành Văn Khánh Đ (Bành Văn K, Năm C) về tội danh, điểm, khoản, Điều luật viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Bị cáo Bành Văn Khánh Đ (Bành Văn K, Năm C) là người trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng bất chấp, cố ý thực hiện với ý thức mong muốn hậu quả xảy ra. Với bản tính tha hóa, lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động, bị cáo nảy sinh ý định dùng xe mô tô làm phương tiện chạy tìm tài sản lấy trộm, với cách thức, thủ đoạn lợi dụng

nhà vắng người, lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu, đột nhập tìm tài sản lấy trộm; khi phát hiện nhà bị hại khóa cửa ngoài, không người trông giữ, bị cáo tiếp cận dùng công cụ đã chuẩn bị sẵn bẻ khung sắt vào nhà tìm tài sản lấy trộm, sau khi lấy được tài sản bị cáo trên đường tẩu thoát thì bị chủ sở hữu về đến nhà phát hiện, tri hô cùng người dân bắt giữ thuộc trường hợp phạm tội quá tang.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây lo sợ, bất an trong nhân dân trước tình hình các tội phạm xâm phạm về quyền sở hữu, mà cụ thể là trộm cắp tài sản diễn ra ngày càng táo bạo, liều lĩnh như hiện nay.

Đánh giá về nhân thân, ngày 17/01/2020, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt ngày 05/01/2022, đã nộp xong án phí hình sự và dân sự (lần phạm tội này, bị cáo là người chưa thành niên), tuy được xem xét đương nhiên xóa án tích nhưng lần phạm tội này thể hiện rõ thái độ, ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

Với những nhận định, đánh giá trên, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt khi tái hòa nhập cộng đồng, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện được sự ăn năn hối cải, tài sản thu hồi trao trả cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc là căn cứ giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo không được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do nhân thân xấu, đã từng vi phạm pháp luật.

[5] Về đánh giá hành vi khác có liên quan:

Đối với, hành vi bị cáo bẻ khung cửa sổ bằng kim loại của bị hại Mum, Tùng, nhưng do khung cửa sổ bị rỉ sét, hư hỏng trước đó, bị hại và cơ quan chức năng xác định không còn giá trị, không yêu cầu xử lý, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với về lý lịch nhân thân, bà Lê Thị Kiều O, Bành Văn K (Mẹ và em ruột của Đ), khi sinh ra, bị cáo được đặt tên là Bành Văn K. Đến năm 2008, khi đăng ký khai sinh thì ghi tên là Bành Văn Khánh Đ; xác định ngoài tên Bành Văn Khánh Đ thì bị cáo cũng có tên gọi khác là Bành Văn K hoàn toàn phù hợp

với Kết luận giám định số 23/KL-KTHS ngày 08/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang về họ tên của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, bị hại Cà M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác nên ghi nhận, không xem xét về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung, đánh giá bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không nghề nghiệp cụ thể, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, thu giữ các vật chứng phân hóa, xử lý như sau:

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 67K1-022.64, màu nâu, nhãn hiệu Boss, bà Lê Thị Kiều O (mẹ của bị cáo) xác định mua lại của Phạm Xuân H, với giá 6.000.000 đồng, chỉ giao nhận giấy tờ xe chứ chưa thực hiện thủ tục sang tên.

Căn cứ Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 26/8/2022 của Công an huyện C, chủ xe mô tô biển số 67K1-022.64 là Ngô Văn P, ngụ ấp H, xã P, huyện P. Thu thập lời khai, ông Ngô Văn P xác định, năm 2012, ông bán xe mô tô biển số 67K1-022.64 cho người lạ (không rõ họ, tên, địa chỉ), phù hợp lời khai Phạm Xuân H, trình bày: đầu năm 2022, Hùng mua xe mô tô biển số 67K1-022.64 của người lạ (không rõ họ, tên, địa chỉ), đến ngày 09/7/2022, bán lại cho O, với giá 6.000.000 đồng. Có đủ cơ sở xác định chiếc xe nêu trên thuộc quyền sở hữu cá nhân của bà Lê Thị Kiều O, việc bị cáo lấy xe dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội bà O không biết nên cần trả lại cho bà O là phù hợp.

- Đối với 01 (một) căn cước công dân mang tên Bành Văn Khánh Đ là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với: 01 túi vải màu xám – xanh, 02 cây kềm (kềm cua, kềm răng), 01 cây kéo, 02 cây tua vít, 01 đoạn lưỡi cưa, 01 cái ví là công cụ bị cáo dùng để thực hiện tội phạm, tài sản không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[10] Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Về tội danh và hình phạt áp dụng:

Tuyên bố bị cáo Bành Văn Khánh Đ (Bành Văn K, Năm C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bành Văn Khánh Đ (Bành Văn K, Năm C) 01 năm tù (Một năm). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 13/7/2022.

2. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: không đề cập.

4. Về xử lý vật chứng: *Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

- Trả lại cho bà Lê Thị Kiều O 01 (một) xe mô tô biển số 67K1-022.64, màu nâu, nhãn hiệu Boss, số máy MSA4BH03071, số khung B6UM8H030771 (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) căn cước công dân mang tên Bành Văn Khánh Đ.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi vải màu xám – xanh, 02 cây kèm (kèm cua, kèm răng), 01 cây kéo, 02 cây tua vít, 01 đoạn lưỡi cưa, 01 cái ví là công cụ bị cáo dùng để thực hiện tội phạm, tài sản không còn giá trị nên tịch thi tiêu hủy.

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới tạm quản lý. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Mới và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 11 tháng 11 năm 2022).*

5. Về án phí: *Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;*

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Nhà Tạm giữ - Công an H. Chợ Mới;
- CQTHAHS - Công an H. Chợ Mới;
- CQĐT - Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- BP Thi hành án - Tòa án;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HSVA; Văn phòng TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong